

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thanh lý rừng phòng hộ
trên diện tích thu hồi để thực hiện dự án đường giao thông từ
Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước; số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng;

Căn cứ Thông tư số 137/2010/TT-BTC ngày 15/9/2010 của Bộ Tài chính Quy định việc xác định giá khởi điểm của tài sản nhà nước bán đấu giá và chế độ tài chính của Hội đồng bán đấu giá tài sản;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và PTNT: Số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20/5/2011 về hướng dẫn thực hiện việc khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ; số 70/2011/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2011 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20/5/2011;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 330/STC-TCDN ngày 27/01/2016 về việc đề nghị thanh lý rừng phòng hộ trên diện tích thu hồi để thực hiện dự án đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Ban quản lý rừng phòng hộ Tĩnh Gia thanh lý rừng phòng hộ trên diện tích thu hồi để thực hiện dự án đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

Tổng diện tích rừng thanh lý: 7,886 ha.

Vị trí, địa điểm thanh lý: Khoảnh 13, tiểu khu 661; khoảnh 13D, 16A tiểu khu 662.

Đối tượng rừng thanh lý: Rừng trồng phòng hộ.

Hiện trạng rừng: Là rừng trồng Thông nhựa, được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước, trồng từ năm 1974-1986; mật độ cây gỗ hiện còn 300-350 cây/ha, đường kính bình quân 20-25cm.

- Sản lượng gỗ thương phẩm: 502,204 m³.
- Sản lượng củi: 460,813 m³.
- Giá trị lâm sản thu hồi: 470.885.000 đồng.
- Chi phí khai thác: 421.652.000 đồng.
- Nộp ngân sách Nhà nước: 49.233.000 đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Căn cứ nội dung tại Điều 1 Quyết định này các đơn vị sau đây có trách nhiệm:

1. Ban quản lý rừng phòng hộ Tĩnh Gia:

- Tự tổ chức thanh lý, khai thác tận dụng lâm sản trên diện tích rừng phòng hộ thanh lý nêu trên.

- Nộp ngân sách nhà nước: 49.233.000 đồng (*Bốn mươi chín triệu hai trăm ba ba ngàn đồng*).

2. Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm kiểm tra, giám sát việc khai thác, vận chuyển, tiêu thụ lâm sản trên diện tích rừng thanh lý theo đúng quy định pháp luật. Nghiêm cấm lợi dụng để chặt phá rừng hoặc buôn bán gỗ trái pháp luật; chấp hành nghiêm các quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng; chỉnh lý hồ sơ giao đất lâm nghiệp và hồ sơ cập nhật diễn biến tài nguyên rừng theo quy định.

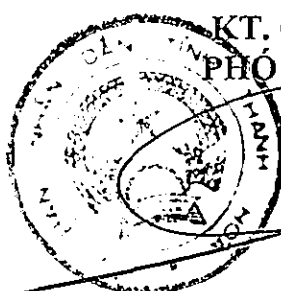
3. Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn Ban quản lý rừng phòng hộ Tĩnh Gia thực hiện thanh lý rừng và nghĩa vụ tài chính theo đúng định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chi cục Kiểm lâm, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hoá, Chủ tịch UBND huyện Tĩnh Gia, Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ Tĩnh Gia; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Lưu: VT, NN.
- (Truc17)



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

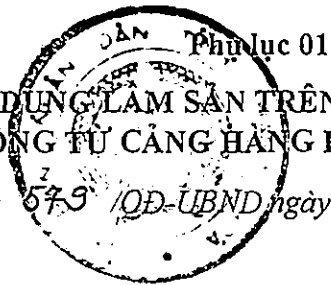
Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục
**TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ THANH LÝ RỪNG TRỒNG PHÒNG HỘ TRÊN DIỆN
 TÍCH THU HỒI ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐƯỜNG GIAO THÔNG TỪ CẢNG HÀNG
 KHÔNG THỎA XUÂN ĐI KKT NGHỊ SƠN**

(Kèm theo Quyết định số: 573/QĐ-UBND ngày 17/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: 1.000 Đồng

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
A	Tổng chi phí đầu tư				421.652	
I	Chi phí trực tiếp				408.277	
1.1	Chi phí nhân công				391.821	
a	Chi phí nhân công trực tiếp	công	1.926,750	180,00	346.815	
b	Chi phí nhân công gián tiếp	công	334,450	100,00	33.445	
c	Quản lý khai thác: 6% (NC)	công	115,610	100,00	11.561	
1.2	Chi phí thiết bị dụng cụ sản xuất	0	0,000	0,00	16.456	Phụ lục 02
II	Chi phí khảo sát, thẩm định TK	ha	7,886	1.696,00	13.375	
B	Dự kiến giá trị sản phẩm		963,017	950,00	470.885	Phụ lục 01
a	Gỗ thân (m3)	m3	502,204	800,00	401.763	
b	Cùi (m3)	m3	460,813	150,00	69.122	
C	Lợi nhuận				49.233	



**DỰ TOÁN MỨC GIÁ TẬN DỤNG LÂM SẢN TRÊN DIỆN TÍCH THU HỒI ĐỂ THỰC HIỆN
DỰ ÁN ĐƯỜNG GIAO THÔNG TỪ CẢNG HÀNG KHÔNG THỌ XUÂN ĐI KKT NGHĨ SƠN**

(Kèm theo Quyết định số: **579** /QĐ-UBND ngày **17**/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: Đồng.

TT	Nhóm gỗ	Đơn vị	Sản lượng	Giá bán	Thành tiền
Tổng cộng					470.885.150
1	Gỗ thân	m3	502,204	800.000	401.763.200
2	Cùi	m3	460,813	150.000	69.121.950



Phụ lục 02
DỰ TOÁN TRANG THIẾT BỊ - DỤNG CỤ SẢN XUẤT
 (Kèm theo Quyết định số: 579 /QĐ-UBND ngày 17/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: Đồng

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Định mức sử dụng	Khối lượng	Đơn giá	Tỷ lệ khấu hao (%)	Thành tiền	Ghi chú
I	<u>Công cụ chặt hạ</u>						<u>10.724.423</u>	
1	Dao năm	Con	200m ³ /con	25	45.000	100	1.125.000	
2	Dao tạ	Con	200m ³ /con	25	120.000	100	3.000.000	
3	Rìu	cái	200m ³ /cái	25	60.000	100	1.500.000	
4	Cưa đơn	Cái	300m ³ /cái	15	180.000	100	2.700.000	
5	Cưa xăng	Cái	cái	2	12.000.000	10	2.400.000	
IV	<u>Bảo hộ lao động</u>						<u>5.732.100</u>	
1	Quần áo bảo hộ	Bộ		27	137.500	100	3.712.500	
2	Dây bảo hộ	Bộ		27	55.000	100	1.485.000	
3	Tất đi rừng	Bộ		27	19.800	100	534.600	
	Tổng tiền thiết bị dụng cụ SX						16.456.523	